

Số: 2331/TB-ĐGTS

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất như sau:

1. Đặc điểm quỹ đất đấu giá:

- a. Tên quỹ đất: Khu dân cư OTT4 (gồm 68 lô đất) thuộc khu E – Đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- b. Địa điểm quỹ đất: Khu đất thuộc thửa 1428 đến 1498, tờ bản đồ địa chính số 5, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy;
- c. Diện tích quỹ đất: 8.711,1m² (theo tờ trích đo địa chính thửa đất tỷ lệ 1/500 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 26/9/2023 kèm theo);
- d. Mục đích sử dụng đất: Đất ở; Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;
- đ. Hạ tầng kỹ thuật gắn liền với đất: Các lô đất đã được đầu tư Hạ tầng kỹ thuật theo Dự án được phê duyệt;
- e. Thông số quy hoạch: Thực hiện theo thông số quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 về việc phê duyệt quy hoạch phân khu Khu E (tỷ lệ 1/2000) – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế; Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất phải xây dựng nhà theo mẫu thiết kế đã được phê duyệt.
- f. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Tên tài sản, số lượng tài sản, giá khởi điểm, tiền đặt trước như sau:

TT	Tên lô đất	Ký hiệu lô đất theo BĐĐC	Tờ bản đồ	Vị trí, loại đường	Diện tích/ lô (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Mức tiền đặt trước (đồng/lô)
I	Đợt 1: 36 lô; Đấu giá: 08 giờ 00 ngày 22/12/2023							
1	B1	1479	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
2	B2	1480	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
3	B3	1481	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
4	B4	1482	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
5	B5	1483	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000

6	B6	1484	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
7	B7	1485	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
8	B8	1486	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
9	B9	1487	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
10	B10	1488	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
11	B11	1489	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
12	C34	1461	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
13	C35	1462	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
14	C36	1463	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
15	C37	1464	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
16	C38	1465	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
17	C39	1466	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
18	C40	1467	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
19	C41	1468	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
20	C42	1469	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
21	C43	1470	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
22	C44	1471	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
23	C1	1428	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
24	C2	1429	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
25	C3	1430	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
26	C4	1431	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
27	C5	1432	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
28	C6	1433	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
29	C7	1434	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
30	C46	1473	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 9) rộng 15,5m	182.0	19.070.000	3.470.740.000	694.148.000
31	C47	1474	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 9) rộng 15,5m	181.6	19.070.000	3.463.112.000	692.622.000

32	C33	1460	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m và đường QH rộng 5m	100	22.600.000	2.260.000.000	452.000.000
33	B12	1490	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m và đường QH rộng 5m	100	22.600.000	2.260.000.000	452.000.000
34	C8	1435	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m và đường QH rộng 5m	150	20.700.000	3.105.000.000	621.000.000
35	C45	1472	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 9) rộng 15,5m và đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	278.4	23.000.000	6.403.200.000	1.280.640.000
36	C48	1475	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 9) rộng 15,5m và đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	276.3	22.900.000	6.327.270.000	1.265.454.000
II Đợt 2: 32 lô; Đấu giá: 13 giờ 30 ngày 28/12/2023								
1	B14	1492	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
2	B15	1493	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
3	B16	1494	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
4	B17	1495	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
5	B18	1496	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
6	B19	1497	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
7	B20	1498	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
8	C21	1448	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
9	C22	1449	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
10	C23	1450	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
11	C24	1451	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
12	C25	1452	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
13	C26	1453	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
14	C27	1454	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
15	C28	1455	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
16	C29	1456	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
17	C30	1457	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000
18	C31	1458	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m	100	21.900.000	2.190.000.000	438.000.000

19	C10	1437	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
20	C11	1438	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
21	C12	1439	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
22	C13	1440	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
23	C14	1441	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
24	C15	1442	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
25	C16	1443	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m	150	19.900.000	2.985.000.000	597.000.000
26	C18	1445	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 2) rộng 12,5 m	196.9	19.070.000	3.754.883.000	750.976.000
27	C19	1446	5	Một mặt tiền; Đường QH (tuyến số 2) rộng 12,5 m	195	19.070.000	3.718.650.000	743.730.000
28	C32	1459	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m và đường QH rộng 5m	100	22.600.000	2.260.000.000	452.000.000
29	B13	1491	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m và đường QH rộng 5m	100	22.600.000	2.260.000.000	452.000.000
30	C9	1436	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m và đường QH rộng 5m	150	20.700.000	3.105.000.000	621.000.000
31	C20	1447	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 4) rộng 15,5m và đường QH (tuyến số 2) rộng 12,5m	295.0	22.860.000	6.743.700.000	1.348.740.000
32	C17	1444	5	Hai mặt tiền; Đường QH (tuyến số 5) rộng 12m và đường QH (tuyến số 2) rộng 12,5m	305.9	20.860.000	6.381.074.000	1.276.214.000
Tổng cộng: 68 lô đất							184.902.629.000	

Giá khởi điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất chưa bao gồm lệ phí trước bạ về đất và các khoản phí, lệ phí khác; người trúng đấu giá khi nộp tiền sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước thì cùng thực hiện nộp lệ phí trước bạ về đất theo mức giá trúng đấu và tỷ lệ quy định.

3. Bước giá: Cụ thể các lô đất đấu giá như sau:

STT	Ký hiệu lô đất	Bước giá (đồng)
1	Lô 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1489, 1492, 1493, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498, 1448, 1449, 1450, 1451, 1452, 1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1461, 1462, 1463, 1464, 1465, 1466, 1467, 1468, 1469, 1470, 1471, 1459, 1460, 1490, 1491	110.000.000

2	Lô 1428, 1429, 1430, 1431, 1432, 1433, 1434, 1437, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443, 1435, 1436	150.000.000
3	Lô 1473, 1474	173.000.000
4	Lô 1445, 1446	186.000.000
5	Lô 1472, 1475, 1444	320.000.000
6	Lô 1447	337.000.000

4. Hồ sơ kèm theo tài sản: Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở năm 2023 đối với 68 lô đất tại Khu dân cư OTT4 thuộc khu E - Đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy; Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất 68 lô đất thuộc khu dân cư OTT4, khu E - Đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy; Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất 68 lô đất tại Khu dân cư OTT4, khu E, đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đính chính Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất 68 lô đất tại Khu dân cư OTT4, khu E, đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy; Bản đồ địa chính thửa đất.

5. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá và giấy tờ liên quan:

a. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Từ ngày niêm yết đấu giá tài sản đến ngày 25/12/2023 tại vị trí các lô đất đấu giá Khu dân cư OTT4 thuộc khu E - Đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khách hàng có nhu cầu xem tài sản đăng ký tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản đến hết ngày 13/12/2023. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức xem tài sản trong giờ hành chính vào các ngày 14, 15 tháng 12 năm 2023.

b. Xem giấy tờ có liên quan: Trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản đến 17 giờ 00 ngày 25/12/2023 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá:

a. **Đợt 1: Gồm 36 lô** (Từ lô 1428 đến lô 1435; từ lô 1460 đến lô 1471; từ lô 1479 đến 1490 và các lô 1475, 1474, 1473, 1472). Bán hồ sơ trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản đến **17 giờ 00 ngày 19/12/2023** tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế, 17 Nguyễn Văn Linh, phường An Hoà, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

b. **Đợt 2: Gồm 32 lô** (Từ lô 1436 đến lô 1459; từ lô 1491 đến lô 1498). Bán hồ sơ trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản đến **17 giờ 00 ngày 25/12/2023** tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế, 17 Nguyễn Văn Linh, phường An Hoà, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

- a. Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá: 500.000 đồng/lô/hồ sơ.
- b. Tiền đặt trước: Khách hàng nộp mức tiền đặt trước tương ứng với từng lô đất được quy định nêu trên và nộp vào tài khoản số **5512429999** của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

*** Các lô đấu giá Đợt 1:** Gồm 36 lô (Từ lô 1428 đến lô 1435; từ lô 1460 đến lô 1471; từ lô 1479 đến 1490 và các lô 1475, 1474, 1473, 1472). Nộp trong giờ hành chính từ ngày **19/12/2023 đến 17 giờ 00 ngày 21/12/2023**.

*** Các lô đấu giá Đợt 2:** Gồm 32 lô (Từ lô 1436 đến lô 1459; từ lô 1491 đến lô 1498). Nộp trong giờ hành chính từ ngày **25/12/2023 đến 17 giờ 00 ngày 27/12/2023**.

Nội dung nộp tiền hoặc chuyển khoản ghi: Họ tên người đăng ký tham gia đấu, nộp tiền đặt trước đấu giá đất An Vân Dương - Thủy Dương.

Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước trước thời hạn quy định trên là tự nguyện. Tiền đặt trước được xác định theo giấy của Ngân hàng và xác nhận có trong tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định của từng Đợt đấu giá và khách hàng nộp chứng từ nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trước ngày tổ chức cuộc đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

a. Thời gian, địa điểm đăng ký, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

- **Đợt 1:** Gồm 36 lô (Từ lô 1428 đến lô 1435; từ lô 1460 đến lô 1471; từ lô 1479 đến 1490 và các lô 1475, 1474, 1473, 1472). Tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản đến **17 giờ 00 ngày 19/12/2023** tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế, 17 Nguyễn Văn Linh, phường An Hoà, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đợt 2:** Gồm 32 lô (Từ lô 1436 đến lô 1459; từ lô 1491 đến lô 1498). Tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản đến **17 giờ 00 ngày 25/12/2023** tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế, 17 Nguyễn Văn Linh, phường An Hoà, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

b. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai năm 2013 có nhu cầu sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất và cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đúng các quy định của Luật Đất đai 2013; chấp nhận giá khởi điểm, quy chế cuộc đấu giá do Trung tâm ban hành; có đơn đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất (theo mẫu Trung tâm phát hành); Nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ, tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ theo quy định. Trong mỗi lô đất, một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá.

9. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

a. Đợt 1: Vào lúc 08 giờ 00 ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế.

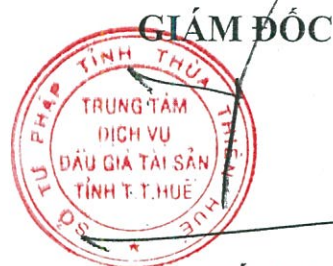
b. Đợt 2: Vào lúc 13 giờ 30 ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Hình thức, phương thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá, không hạn chế số vòng trả giá và theo phương thức trả giá lên.

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền sử dụng đất liên hệ tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Linh, phường An Hoà, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Điện thoại: 0234.3501567, website: daugiatthue.com hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: 24 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử về tài sản nhà nước;
- Cổng TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng TTĐT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trung tâm PTQĐ - Sở TN và MT tỉnh TT.Huế;
- UBND phường Thủy Dương;
- Niêm yết tại: UBND phường Thủy Dương; Trung tâm PTQĐ tỉnh; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản TT Huế;
- Nơi tổ chức đấu giá;
- Người đăng ký tham gia đấu giá;
- Lưu VT, HSDG (M.09)



Phan Tiến Dũng

